

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**
Số: 02/2019/QĐST-LĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đức Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Tiền Phương

Thư ký phiên họp: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 78/2019/TLST-LĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 156/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Ông **Lê Thành T**, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần NMN**

Địa chỉ: Ấp T 1, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Sỹ M, chức vụ: Q. Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 05/UQ-NASOCO ngày 20/5/2019)

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Người yêu cầu là ông Lê Thành T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An công nhận kết quả hòa giải thành theo Biên bản hòa giải thành do Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An lập vào ngày 17 tháng 7 năm 2019, với nội dung hòa giải thành như sau:

Ông Lê Thành T và Công ty cổ phần NMN thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động số 156/HĐLĐ-NASOCO ngày 22/10/2018. Công ty cổ phần NMN thanh toán cho ông T 01 tháng tiền lương trợ cấp thu nhập với số tiền là 7.507.200 đồng/tháng (Bảy triệu năm trăm lẻ bảy nghìn hai trăm đồng). Thời

gian và phương thức thanh toán như sau: chậm nhất đến hết 26/7/2019, hình thức là Công ty cổ phần NMN chuyển khoản cho ông Lê Thành Tâm.

Ông Lê Thành T và Công ty cổ phần NMN thống nhất là Công ty cổ phần NMN có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội, đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Lê Thành T đến hết tháng 06/2019. Công ty cổ phần NMN có trách nhiệm giao lại cho ông Lê Thành T sổ bảo hiểm sau khi đã chốt.

Ông Lê Thành T và Công ty cổ phần NMN thỏa thuận thống nhất là Công ty cổ phần NMN tự nguyện chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến: Về các trình tự, thủ tục tố tụng của Tòa án, thẩm phán, thư ký và những người tham gia phiên họp đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo yêu cầu của ông Lê Thành T theo biên bản hòa giải thành được Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa lập vào ngày 17/7/2019, vì xét về hình thức đơn và nội dung đơn yêu cầu của ông Lê Thành T đủ điều kiện công nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 33, Điều 417, Điều 418 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự vắng mặt được công bố tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nhận định:

[1] Ngày 17 tháng 7 năm 2019, ông Lê Thành T có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành sau khi hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 33, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Người yêu cầu là ông Lê Thành T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt của ông T, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt ông T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Sỹ M đại diện theo ủy quyền cho Công ty cổ phần NMN có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại đơn yêu cầu Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt của ông Tâm và Công ty cổ phần NMN do ông Ngô Sỹ M làm đại diện đều có ý kiến thống nhất với nội dung biên bản hòa giải thành do Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An lập vào ngày 17 tháng 7 năm 2019.

[3] Xét đơn yêu cầu công nhận hòa giải thành ngoài Tòa án ngày 17/7/2019

của ông Lê Thành T là còn trong thời hạn để yêu cầu cầu Tòa án công nhận; xét về hình thức và nội dung của đơn phù hợp với quy định tại Điều 418 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong “*Biên bản hòa giải thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17/7/2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa*” là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo quy định tại Điều 417 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên yêu cầu của ông Lê Thành T được Tòa án chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên cần được chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Lê Thành T là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật, nhưng ông Lê Thành T và Công ty cổ phần NMN thỏa thuận thống nhất là Công ty cổ phần NMN tự nguyện chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật. Nên Công ty cổ phần NMN phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 419 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36 của Bộ luật lao động; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 78/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

Ông Lê Thành T và Công ty cổ phần NMN thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động số 156/HĐLĐ-NASOCO ngày 22/10/2018. Công ty cổ phần NMN thanh toán cho ông Lê Thành T 01 tháng tiền lương trợ cấp thu nhập với số tiền là 7.507.200 đồng/tháng (Bảy triệu năm trăm lẻ bảy nghìn hai trăm đồng). Thời gian và phương thức thanh toán như sau: chậm nhất đến hết 26/7/2019, hình thức là Công ty cổ phần NMN chuyển khoản cho ông Lê Thành T.

Ông Lê Thành T và Công ty cổ phần NMN thống nhất là Công ty cổ phần NMN có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội, đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Lê Thành T đến hết tháng 06/2019. Công ty cổ phần NMN có trách nhiệm giao lại cho ông Lê Thành T sổ bảo hiểm sau khi đã chốt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do Công ty cổ phần NMN tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nên ông

Lê Thành T không phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm. Công ty cổ phần NMN được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng mà Công ty cổ phần NMN đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003172 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Công ty cổ phần NMN đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Ông Lê Thành Tâm;
- Công ty cổ phần NMN;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đinh Tiền Phương